TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST Ngày: 06-5-2026 "V/v Ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Không tham gia.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 16/2026/TB-TA ngày 15 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Hồng L, sinh ngày 16-8-1994; Căn cước công dân số 077194003903; địa chỉ: Ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 02-2-1988; Chứng minh nhân dân số 273266541; địa chỉ: Ấp Q, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L, ông L1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Hồng L, trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 06 năm, bà L và ông Nguyễn Tấn L1 mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 27-11-2017 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông L1 sống không có trách nhiệm, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẽ trong cuộc sống. Đến tháng 01/2026, bà L đưa con chung của bà L và ông L1 về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại xã C, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Trong thời gian này, vợ chồng bà cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm vì bà thấy tình cảm không còn. Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà L xin được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L1.

Về con chung: Vợ chồng bà L có 01 người con chung Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 20-11-2018.

Theo đơn khởi kiện, bà L có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Nay, bà L rút lại yêu cầu cấp dưỡng và chỉ có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Vũ Thị Hồng L và ông Nguyễn Tấn L1 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông L1 là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Vũ Thị Hồng L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Tấn L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông L1 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27-11-2017 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo bà L sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông L1 không quan tâm đến cuộc sống gia đình, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẽ nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 01/2026, bà L và ông L1 đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian này, vợ chồng bà L cũng không tìm cách hàn gắn vì xét thấy tình cảm không còn.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà L và ông L1 để hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông L1 không đến còn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa bà L và ông L1 là có thật.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông L1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà L được ly hôn với ông L1.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà L và ông L1 có 01 người con chung Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 20-11-2018.

Xét thấy, từ khi bà L và ông L1 ly thân, bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện con chung của bà L và ông L1 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với bà L.

Do đó, để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị Hồng L và ông Nguyễn Tấn L1.

2. Về nuôi con chung: Bà Vũ Thị Hồng L và ông Nguyễn Tấn L1 có 01 người con chung Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 20-11-2018;

Giao con chung Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 20-11-2018 cho bà Vũ Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Hồng L không yêu cầu ông Nguyễn Tấn L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tấn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Vũ Thị Hồng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Hồng L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008266 ngày 27 tháng 01 năm 2026; bà Vũ Thị Hồng L đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 14 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THA DS KV 14, TP. HCM;
- UBND xã N.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga